

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn D; Bà Lê Thị Tâm.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:: Chị Ty Thị Bích H - Sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H1 - Sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Q, xã , huyện V, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ty Thị Bích H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ty Thị Bích H và anh Phạm Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 06/12/2017. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn tại xã V, huyện V, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 tH xuyên rượu chè, chửi mắng, đánh đập chị H, không quan tâm đến vợ con. Chị H, anh H1 đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị H cùng con là cháu Phạm Anh D đã về xã Đại Bình, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh sinh sống.

Đến nay chị Ty Thị BíchH xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc đã thực sự tan vỡ, nên chịH yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01con chung là Phạm Anh D (Giới tính Nam); Sinh ngày 12/3/2016.

Khi ly hôn chịH yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Anh D và yêu cầu anh H1 đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh H1 đóng góp tiền nuôi cháu D cùng chị.

- Về Tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 11/02/2020 và ngày 24/3/2020, chính quyền địa phương xã V cung cấp chị H và anh H1 kết hôn vào ngày 06/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H1 ở cùng gia đình ông Phạm Văn H (Bố đẻ anh H1) tại thôn Q, xã V một thời gian, sau đó vợ chồng anh H1 đi đâu địa phương không biết. Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Anh D (Giới tính Nam). ChịH đã cùng cháu Phạm Anh D đã đi khỏi địa phương đến nay không thấy chịH và cháu D trở về, anh H1 thỉnh thoảng về nhà ở cùng gia đình ông H (Bố đẻ anh H1) một vài ngày rồi lại đi, chính quyền không biết chịH và cháu D đi đâu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện V đã đến nhà ông Phạm Văn H (Bố đẻ anh H1), để giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh H1. Do anh H1 không có nhà, Toà án đã giao các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn H (Bố đẻ anh H1) nhận thay, ông H đã cam đoan sẽ thông báo cho anh H1 biết. Đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để anh H1 được biết về việc chị Ty Thị Bích H xin ly hôn anh H1 và yêu cầu sau khi ly hôn, chịH được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Anh D, nhưng anh H1 vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết, do đó Tòa án không có bản khai, không lấy được lời khai của anh H1 và cũng không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ngày 22/4/2020 anh H1 vắng mặt (không có lý do). Tại phiên tòa ngày hôm nay (19/5/2020), anh H1 tiếp tục vắng mặt (không có lý do).

Tại phiên tòa hôm nay chị Ty Thị Bích H vẫn yêu cầu được ly hôn anh H1 và rút yêu cầu về yêu cầu anh Phạm Văn H1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chịH .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các thủ tục của pháp luật được quy định tại Điều 48, 96, 97 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ty Thị Bích H đối với anh Phạm Văn H1.

- Về con chung: Công nhận vợ chồng chị H, anh H1 có 01 con chung là Phạm Anh D (Giới tính Nam); Sinh ngày 12/3/2016. Khi ly hôn, giao con chung của vợ chồng là cháu Phạm Anh D cho chị Ty Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh Phạm Văn H1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Ty Thị Bích H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ty Thị Bích H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Phạm Văn H1, anh H1 cư trú tại huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn H1 vắng mặt, không có lý do, nhưng anh H1 đã được ông Phạm Văn H (Là bố đẻ anh H1) nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông H đã cam đoan giao ngay các văn bản tố tụng cho anh H1, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương xã V, huyện V xác nhận: Anh Phạm Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V. Tại thời điểm tháng 12/2019 anh H1 không có mặt liên tục tại địa phương mà anh H1 đi làm xa nhà, thỉnh thoảng anh H1 mới về nhà ít ngày rồi tiếp tục đi làm. Như vậy anh H1 đã được thông báo hợp lệ việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, về trách nhiệm nuôi con chung giữa chị H và anh H1, anh H1 đã cố tình không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa 02 lần mà không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ty Thị Bích H và anh Phạm Văn H1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo chị H trình bày vợ, chồng chung sống được một thời gian ngắn hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 hay rượu, chè, chửi mắng, đánh đập chị H, không quan tâm đến vợ con, chị H đã cùng con về nhà mẹ đẻ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q sinh sống từ tháng 4/2019. Như vậy chị H, anh H1 đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 là có đủ cơ sở, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Ty Thị BíchH, anh Phạm Văn H1 có 01 con chung là Phạm Anh D (Giới tính Nam); Sinh ngày 12/3/2016. Cháu D hiện nay đang sống cùng chịH. ChịH hiện đang là công nhân công ty may mặc, có thu nhập ổn định, do đó chịH có đủ điều kiện để chăm sóc cháu Phạm Anh D. Hơn nữa cháu D hiện nay mới được hơn 04 (Bốn) tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chịH là có cơ nên được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa chị Ty Thị BíchH rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu anh Phạm Văn H1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chịH. Nghĩ đây là sự tự nguyện của chịH, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chịH theo quy định tại khoản 2 điều 244 của bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng chị H, anh H1 không có tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về công nợ: Vợ chồng chị H, anh H1 không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, chịH không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Ty Thị Bích H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ty Thị Bích H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

2. Về Con chung: Công nhận vợ chồng chị Ty Thị Bích H và anh Phạm Văn H1 có một con chung tên là Phạm Anh D (Giới tính Nam); Sinh ngày 12/3/2016. Khi ly hôn, giao cháu Phạm Anh D cho chị Ty Thị BíchH trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh Phạm Văn H1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn H1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Ty Thị Bích H đối với anh Phạm Văn H1.

4. Về án phí: Chị Ty Thị Bích H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002445 ngày 16/12/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy chị Ty Thị Bích H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Chị Ty Thị Bích H có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn H1 có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

